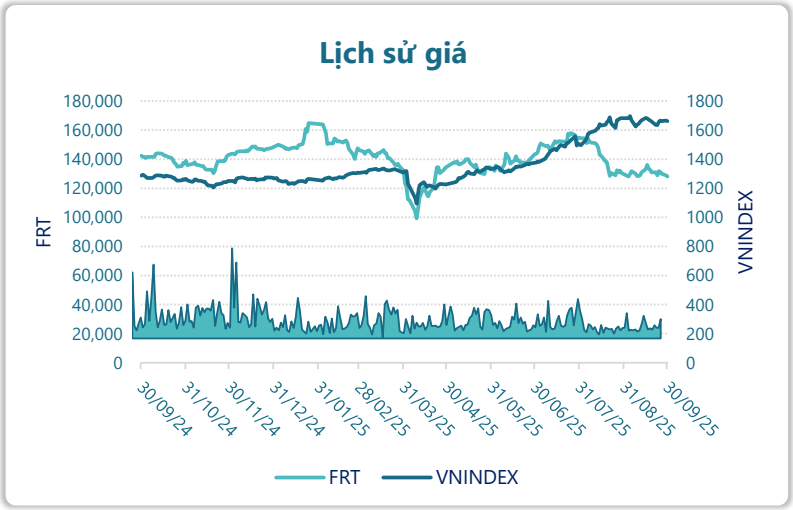
FireAnt

CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (HSX: FRT)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**128,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	164,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	99,280
SL cổ phiếu LH	170,301,785
KLGD BQ 20 phiên (CP)	843,423
% sở hữu nước ngoài	32.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	21,799
P/E	35.4
EPS	3,620

DT thuần

Q3/25

13,110

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,720| 15.1%

YoY: ▲ 2,734| 26.3%

LN sau thuế

Q3/25

266

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 109| 69.4%

YoY: ▲ 101| 61.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

3.2%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần

9T 2025

36,170

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7,513| 26.2%

LN sau thuế

9T 2025

636

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 361| 132%

ROE

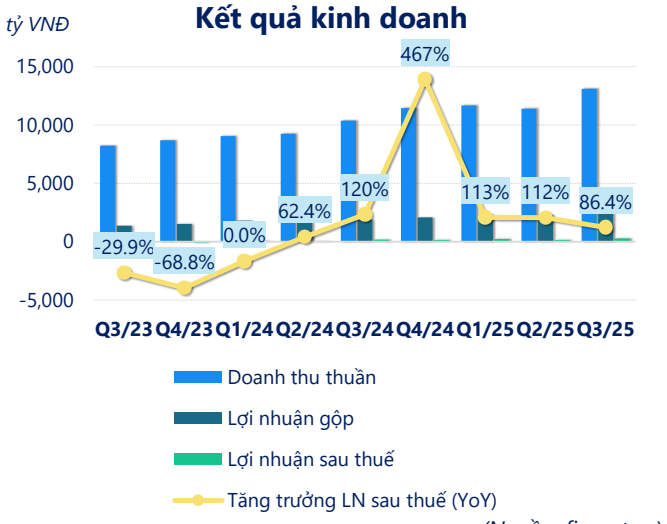
Q3/25

21.9%

+/- YoY: ▲ 16.3%

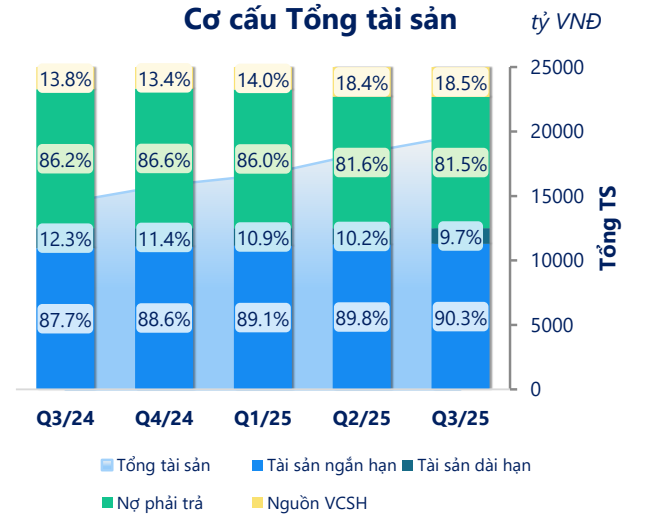
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



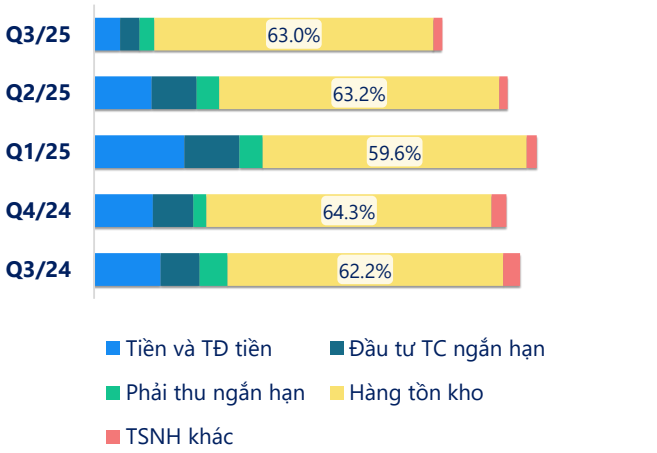
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



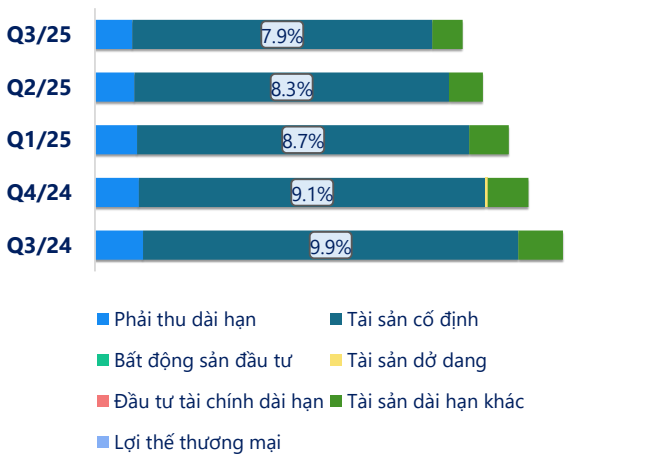
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



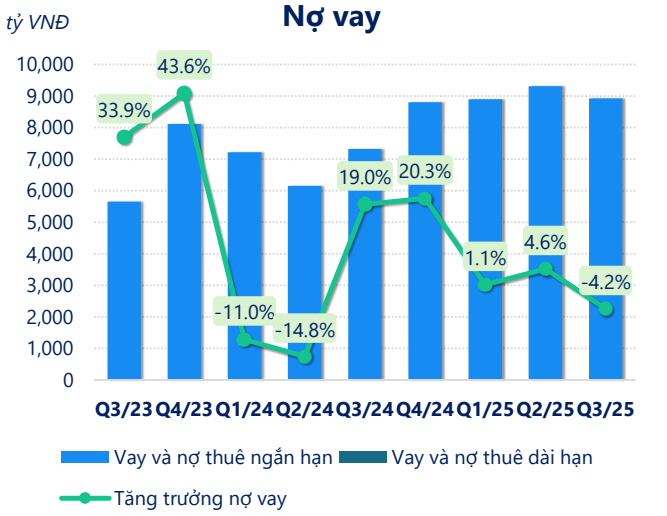
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



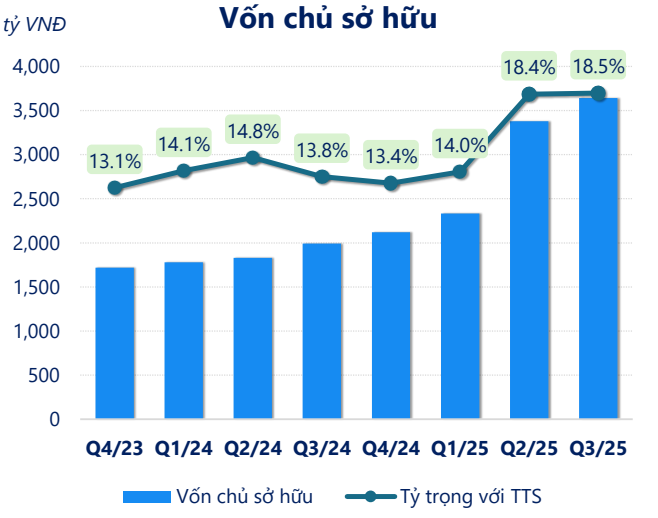
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



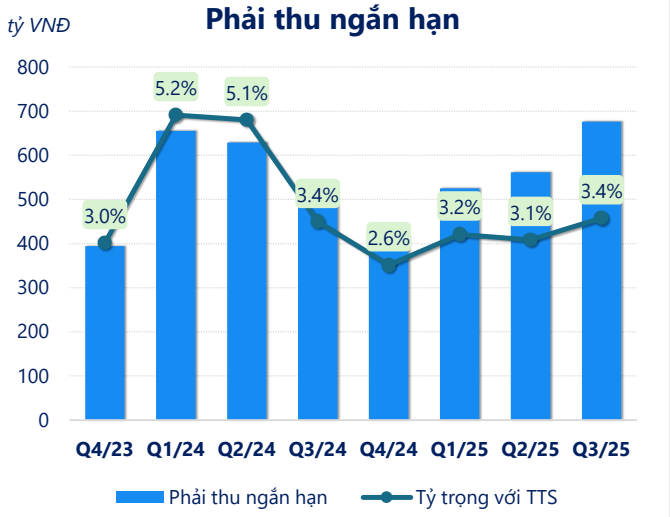
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



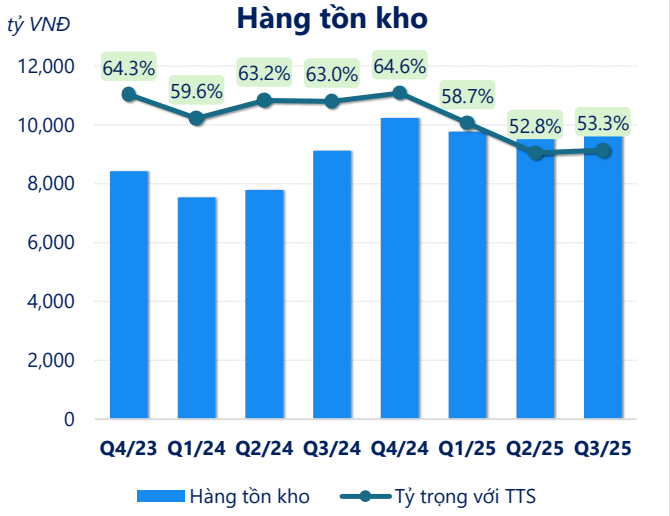
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



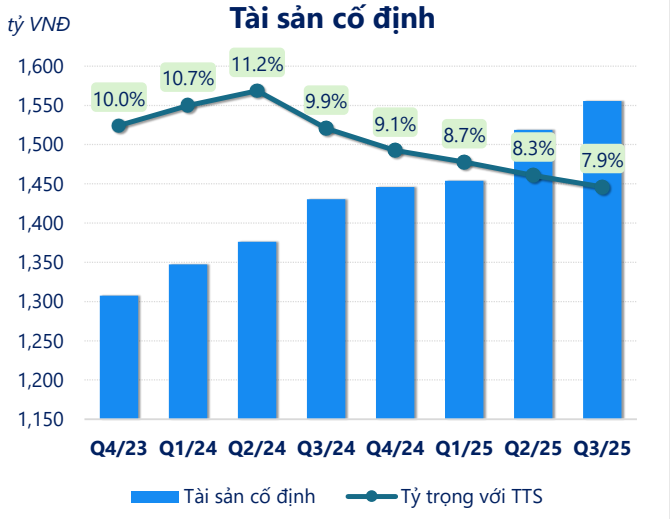
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



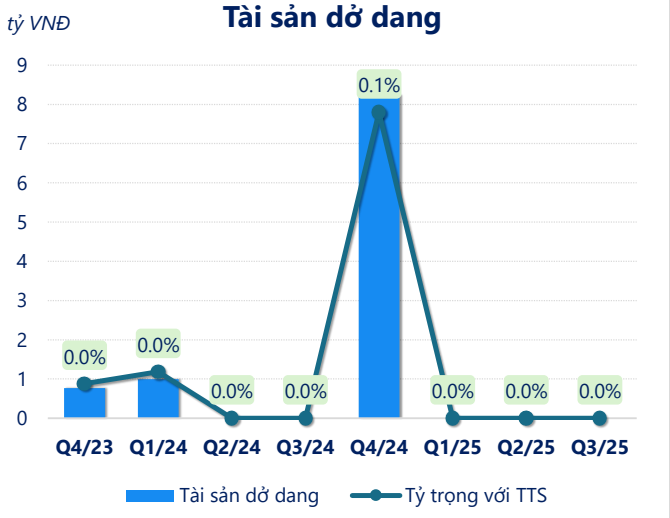
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



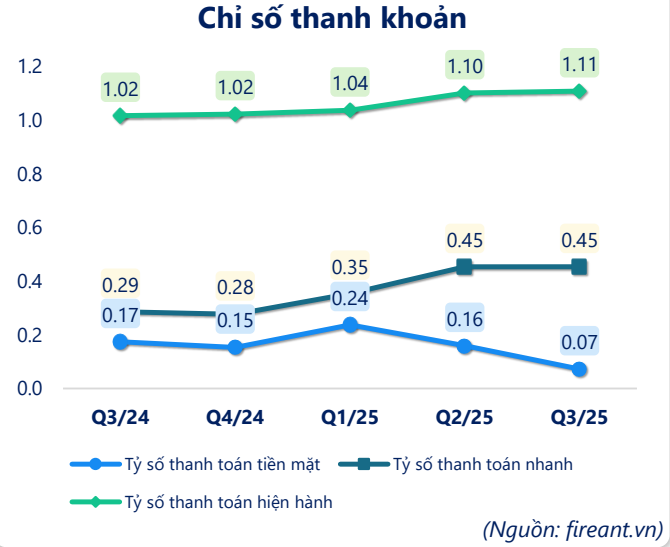
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



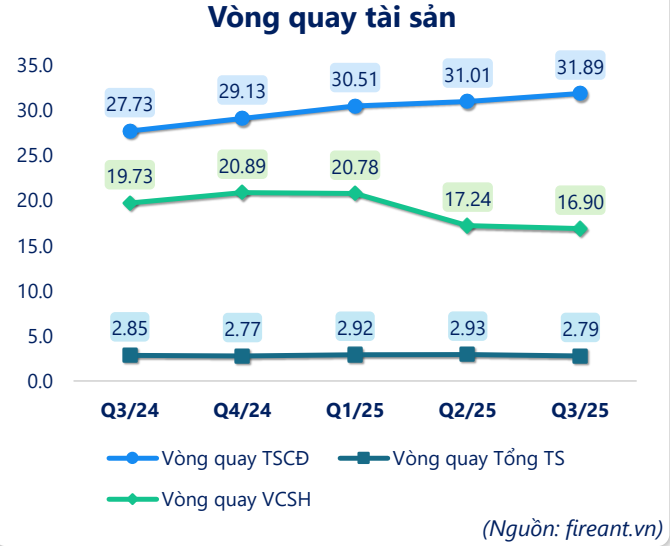
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**14,475**	**15,833**	**16,636**	**18,327**	**19,702**
Tài sản ngắn hạn	**12,692**	**14,026**	**14,824**	**16,455**	**17,794**
Tiền và tương đương tiền	2,170	2,098	3,391	2,382	1,162
Đầu tư tài chính ngắn hạn	626	986	881	3,570	5,188
Phải thu ngắn hạn	488	417	525	562	676
Hàng tồn kho	9,117	10,235	9,766	9,676	10,509
Tài sản ngắn hạn khác	291	291	261	265	258
Tài sản dài hạn	**1,783**	**1,806**	**1,812**	**1,872**	**1,908**
Phải thu dài hạn	183	183	185	190	194
Tài sản cố định	1,430	1,446	1,454	1,519	1,556
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	8.23	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	170	169	174	163	158
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**12,484**	**13,713**	**14,304**	**14,950**	**16,059**
Nợ ngắn hạn	**12,483**	**13,712**	**14,303**	**14,949**	**16,058**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7,316	8,800	8,899	9,313	8,919
Phải trả người bán ngắn hạn	3,503	3,202	3,891	3,815	4,944
Nợ dài hạn	0.55	0.55	0.55	0.55	0.54
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,991**	**2,120**	**2,333**	**3,377**	**3,643**
Vốn chủ sở hữu	**1,991**	**2,120**	**2,333**	**3,377**	**3,643**
Vốn điều lệ	1,362	1,362	1,362	1,362	1,703
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)